

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 1194/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng Tây Nguyên đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Tây Nguyên đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi nghiên cứu: Gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng. Tổng diện tích là 54.641,069 km².

2. Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2020, giai đoạn dài hạn: 2020 - 2030.

3. Tính chất:

- Có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng của quốc gia.
- Là đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa và dịch vụ thương mại - du lịch của các nước tiểu vùng sông Mê Kông và vùng biển Đông; vùng trọng điểm phát triển cây công nghiệp chủ lực cà phê, hồ tiêu, cao su và sản xuất rau hoa công nghệ cao phục vụ xuất khẩu; vùng phát triển nông - lâm nghiệp, thủy điện - thủy lợi, khai thác chế biến bauxit.

- Là vùng có vai trò phòng hộ đầu nguồn, bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng, bảo vệ đa dạng sinh học của quốc gia và khu vực; vùng đệm an toàn sinh thái và cung cấp nước cho khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ.

- Là vùng bảo tồn bản sắc văn hóa đặc trưng lâu đời của vùng Tây Nguyên; phát triển du lịch văn hóa nhân văn, sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, nghỉ dưỡng cấp quốc gia và quốc tế.

4. Các dự báo phát triển vùng:

a) Dự báo về dân số

Năm 2020 quy mô dân số toàn vùng khoảng 6.211.500 người, dân đô thị khoảng 2.081.800 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 33,5%; năm 2030 quy mô dân số toàn vùng khoảng 7.390.600 người, dân số đô thị khoảng 3.095.600 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40,7%.

b) Dự báo đất xây dựng đô thị

Đến năm 2020 khoảng 23.888 ha, bình quân 110 - 120 m²/người; đến năm 2030 khoảng 33.475 ha, bình quân 100 m² - 120 m²/người.

5. Định hướng phát triển không gian vùng:

a) Định hướng phát triển chung

Hệ thống đô thị vùng Tây Nguyên đến năm 2030 phát triển theo từng giai đoạn phù hợp với Điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020; Quy hoạch xây dựng Vùng biên giới Việt Nam - Lào đến năm 2020 và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên đến năm 2020, đồng thời phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng tỉnh và toàn vùng.

b) Định hướng phát triển không gian vùng Tây Nguyên

Căn cứ các yếu tố đặc thù về tự nhiên, về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các lĩnh vực phát triển chuyên ngành và định hướng chiến lược phát triển chính của quốc gia... vùng Tây Nguyên được phân ra thành các tiểu vùng và dải hành lang phát triển kinh tế.

Mỗi vùng không gian kinh tế được gắn với sự phát triển của các đô thị động lực trung tâm vùng, đô thị trung tâm các tiểu vùng và đô thị nhỏ có chức năng dịch vụ tổng hợp.

c) Tiểu vùng Bắc Tây Nguyên

Gồm 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum tập trung phát triển công nghiệp thủy điện; hình thành các khu du lịch sinh thái, các khu du lịch gắn với vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Ổn định phát triển các loại cây công nghiệp; thúc đẩy phát triển giao lưu thương mại hành lang biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia.

d) Tiểu vùng Trung Tây Nguyên

Gồm toàn bộ tỉnh Đắk Lắk, tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, đặc biệt là sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê.

đ) Tiểu vùng Nam Tây Nguyên

Gồm 2 tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng, tập trung phát triển ngành dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng; công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và nông nghiệp công nghệ cao.

e) Các dải hành lang phát triển kinh tế - đô thị

- Dải kinh tế phía Đông: Gồm các huyện nằm phía Đông tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk là vùng phát triển nông lâm nghiệp. Tại những vùng địa hình đồng bằng và tương đối bằng phẳng phát triển cây lúa, mía; vùng núi cao duy trì và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng các cụm công nghiệp chế biến nông - lâm sản gắn với vùng trồng cây nguyên liệu; phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa - lịch sử gắn với các địa điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.

- Dải kinh tế trung tâm (cao nguyên Kon Tum, Pleiku, Đắk Lắk) là vùng nằm dọc hai bên đường Hồ Chí Minh. Trọng tâm phát triển các loại cây công nghiệp chủ lực phục vụ xuất khẩu (cà phê, cao su, điều, tiêu...) phát triển các loại cây ăn trái phục vụ nội địa; cây lương thực và chăn nuôi gia súc gia cầm. Phát triển các đô thị lớn, vừa và nhỏ, các khu - cụm công nghiệp lớn gắn với đô thị và vùng nguyên liệu, các đầu mối giao thông liên vùng. Phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, trung chuyển hàng hóa, du lịch, đào tạo, y tế, văn hóa thể thao cấp vùng.

- Dải hành lang kinh tế phía Tây: Gồm toàn bộ vùng không gian phía Tây huyện Đắk Glây, Ngọc Hồi, Sa Thầy (tỉnh Kon Tum), Ia Grai, Đức Cơ, Chư Prông (tỉnh Gia Lai), Ea Súp, Buôn Đôn, Cư Jút (tỉnh Đắk Lắk) và toàn bộ tỉnh Đắk Nông. Trọng tâm phát triển công nghiệp khai thác chế biến bauxit, luyện nhôm và năng lượng thủy điện; khu vực dọc biên giới hình thành các đô thị vừa và nhỏ, các khu kinh tế quốc phòng gắn với hệ thống cửa khẩu và chợ đường biên. Khu vực núi cao phát triển lâm nghiệp để bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, nguồn nước, rừng đặc dụng, rừng đầu nguồn.

- Vùng kinh tế - Đô thị Nam Tây Nguyên (tỉnh Lâm Đồng): Gồm toàn bộ tỉnh Lâm Đồng. Vùng chuyên canh rau, hoa ôn đới công nghệ cao phục vụ xuất khẩu và nội địa; vùng trồng chè, dâu tằm, bông, cà phê, trái cây; vùng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, hội nghị, hội thảo, văn hóa, lễ hội. Vùng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ đầu nguồn hệ thống sông Đồng Nai; trung tâm du lịch lớn cấp quốc gia và quốc tế tại thành phố Đà Lạt; trung tâm đào tạo đa ngành cấp vùng; trung tâm nghiên cứu hạt nhân, sinh học cấp quốc gia.

- Phát triển các khu và cụm công nghiệp lớn gắn với đô thị Liên Nghĩa - Liên Khương, Bảo Lộc và các đầu mối giao thông liên vùng, vùng nguyên liệu. Trọng tâm sản xuất công nghiệp chế biến nông - lâm sản, khai thác bauxit, luyện nhôm, sản xuất giấy, vật liệu xây dựng, hóa dược, phân bón, dệt, may, bánh kẹo, rượu, cơ khí, đồ gỗ gia dụng, vật liệu xây dựng; tiểu thủ công nghiệp - thủ công truyền thống (đan, dệt thổ cẩm, nấu rượu, chế biến mứt hoa quả...). Xây dựng trung tâm dịch vụ trung chuyển hàng hóa (logistic) tại đô thị lớn, đầu mối giao thông đa phương tiện (đô thị Liên Nghĩa - Liên Khương, thành phố Bảo Lộc); vùng phát triển các công trình thủy điện quan trọng.

6. Định hướng sử dụng đất của vùng:

- Duy trì, phát triển, bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường sinh thái; ưu tiên dành đất cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội vùng và quốc gia, đất sản xuất nông nghiệp gắn liền với nguồn nước và điều kiện khí hậu, đất cho mục đích quốc phòng an ninh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Dự báo nhu cầu sử dụng các loại đất chính đến năm 2030: Đất xây dựng đô thị khoảng 33.470 ha; đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 68.720 ha; đất xây dựng khu và cụm công nghiệp khoảng 11.880 ha; đất nông nghiệp khoảng 4.035.320 ha; diện tích đất rừng khoảng 3.336.000 ha; đất xây dựng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật khoảng 3.690 ha.

7. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và dân cư nông thôn:

a) Mạng lưới hệ thống đô thị

Mạng lưới đô thị vùng Tây Nguyên phân theo các cấp gồm: Đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên, đô thị trung tâm tổng hợp cấp tỉnh và trung tâm cấp tiểu vùng, đô thị nhỏ trung tâm tổng hợp cấp huyện và đô thị dịch vụ chuyên ngành. Cụ thể: Thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm vùng Tây Nguyên; thành phố Đà Lạt là trung tâm du lịch cấp quốc gia và trung tâm chuyên ngành cấp vùng Tây Nguyên; thành phố Pleiku, Kon Tum, Gia Nghĩa là trung tâm tổng hợp cấp vùng tỉnh và trung tâm chuyên ngành cấp vùng Tây Nguyên; các đô thị Ngọc Hồi (Pleikàn), Măng Đen - Kon Plông, Buôn Hồ, An Khê, Kiến Đức, Eaka, Đức Lập (Đăk Mil), Bảo Lộc là các đô thị trung tâm tiểu vùng; Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, Khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh là đô thị động lực vùng biên giới; các thị trấn trung tâm huyện có vai trò là đô thị dịch vụ tổng hợp thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội toàn huyện.

b) Phân bố hệ thống đô thị

Đến năm 2020 vùng Tây Nguyên có 89 đô thị trên cơ sở nâng cấp, mở rộng 62 đô thị hiện có và hình thành mới 27 đô thị. Trong đó có 03 đô thị loại I, 02 đô thị loại II, 03 đô thị loại III, 15 đô thị loại IV, 66 đô thị loại V.

Đến năm 2030 vùng Tây Nguyên có 117 đô thị trên cơ sở nâng cấp 89 đô thị hiện có và xây dựng mới 28 đô thị. Trong đó có: 03 đô thị loại I, 03 đô thị loại II, 07 đô thị loại III, 21 đô thị loại IV, 83 đô thị loại V.

c. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn

Hệ thống các điểm dân cư nông thôn được bố trí trên cơ sở dân cư hiện trạng và kế hoạch phân bố dân cư theo định hướng tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế toàn vùng; đảm bảo hạn chế tối đa tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu; thuận tiện